TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-08-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Luyến.

2. Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1980 (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Hoàng Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 1999 chị L và anh Lê Hoàng Đ tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N. Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không lo làm ăn và thường hay bỏ nhà đi. Mặc dù chị có khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không tồn tại, hôn nhân không hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 14/6/2000 (nữ), hiện đang sống cùng gia đình. Khi ly hôn về con đã lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2018, bị đơn anh Lê Hoàng Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1999 tôi có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với chị L, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N. Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tôi vẫn còn tình cảm với chị L, tôi không muốn ly hôn con tôi sẽ khổ, nhưng vì chị L cương quyết ly hôn nên tôi đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 14/6/2000, hiện cháu H đang sống cùng gia đình. Về nuôi con và cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến xin ly hôn, vì hiện nay anh Đ sống chung với người phụ nữ khác nên không đoàn tụ được, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn hai lần nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa cho anh Lê Hoàng Đ hai lần, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến L và anh Lê Hoàng Đ thành hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyển số 01-2008 ngày 10/3/2008. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống anh chị có những bất hòa không hàn gắn được, chị L cho rằng anh Đ không lo làm ăn và thường hay bỏ nhà đi, hiện nay anh Đ có người phụ nữ khác chị L có khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Thấy rằng giữa

anh Đ và chị L không còn sống chung với nhau, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác, anh Đ cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân được thể hiện là Toà án Thông báo hoà giải hai lần nhưng anh Đ không một lần đến để hoà giải hàn gắn hôn nhân. Tại phiên tòa, chị L không đồng ý rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, vì cho rằng hết tình cảm với anh Đ nên cương quyết xin ly hôn; Anh Đ cũng trình bày ý kiến trong bản tự khai là trường hợp chị L cương quyết ly hôn anh Đ cũng đồng ý ly hôn (bút lục số 17).

Từ những phân tích trên xét thấy mâu thuẫn của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, chị L được ly hôn với anh Đ.

[2] Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có một người con tên Lê Gia H, sinh ngày 14/6/2000 (nữ), con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị L phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến L. Chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Lê Hoàng Đ.

- Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị L phải chịu, chị L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015990 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính